

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN CHÂU
TỈNH AN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 30/2024/DS-ST
Ngày: 08 tháng 8 năm 2024
“V/v Tranh chấp hợp đồng góp hụi”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuỳ Dương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Văn Hoàng và ông Nguyễn Văn Nguyễn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Tấn Bửu - Thư ký **Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu**, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Huy Cường - Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 116/2024/TLST-DS ngày 21 tháng 5 năm 2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 128/2024/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Đỗ Thùy L**, sinh năm 1982; cư trú: **Số B đường L, khóm L, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang** (có mặt).

Bị đơn: Chị **Trần Thị Thanh H**, sinh năm 1978; nơi đăng ký thường trú: **Số A đường N, tổ A, khóm L, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang**; nơi tạm trú: **Số D đường H, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh** (vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt).

Người làm chứng: Ông **Dương Quang V**, ông **Trần Ngọc S**, bà **Nguyễn Thị L1**, bà **Nguyễn Thị Mỹ C** (đều vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, trình bày: Ngày 15/11âl/2022 nhằm ngày 08/12dl/2022 chị **Đỗ Thùy L** có kêu chị **Trần Thị Thanh H** tham gia dây hụi 15.000.000 đồng/tháng (do chị **L** làm chủ hụi), khởi hụi ngày 15/11âl/2022 nhằm ngày 08/12dl/2022, kết thúc dây hụi ngày 15/02âl/2024 nhằm ngày 24/3dl/2024, mỗi tháng khai hụi một lần, hụi gồm

17 hội viên, chị H tham gia một phần, ở vị trí số 01, tên trong danh sách hội là H (HH). Ngày 15/11/2022 nhằm ngày 08/12dl/2022, chị H bia hội 2.250.000 đồng thì được hót hội, số tiền 12.750.000 đồng x 16 = 204.000.000 đồng, trừ tiền huê hồng 4.500.000 đồng, chị H hót được số tiền 199.500.000 (một trăm chín mươi chín triệu năm trăm nghìn) đồng. Sau khi hót hội, chị H góp tiền hội lại cho chị L đến ngày 15/4dl/2023 thì không góp tiền hội nữa, chị L có điện thoại và đến nhà chị H để yêu cầu chị H góp hội nhưng được gia đình chị H cho biết là chị H đã bỏ địa phương đi. Tuy nhiên, đến ngày 31/7/2023 chị H trả cho chị L được 75.000.000 (bảy mươi lăm triệu) đồng, chị H còn nợ lại chị L số tiền 75.000.000 (bảy mươi lăm triệu) đồng. Nay chị L yêu cầu chị H phải có trách nhiệm trả cho chị L số tiền nợ hội là 75.000.000 (bảy mươi lăm triệu) đồng.

Kèm theo đơn khởi kiện nguyên đơn cung cấp các tài liệu: Danh sách dây hội (bản phô tô, đã đối chiếu bản chính); Biên nhận nhận tiền (bản phô tô, đã đối chiếu bản chính).

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Trần Thị Thanh H trình bày: Chị H có tham gia một dây hội 15.000.000 đồng/tháng (do chị L làm chủ hội), khởi hội ngày 15/11/2022 nhằm ngày 08/12dl/2022, kết thúc dây hội ngày 15/02/2024 nhằm ngày 24/3dl/2024, mỗi tháng khai hội một lần, hội gồm 17 hội viên, chị H tham gia một phần, ở vị trí số 01, tên trong danh sách hội là H (HH), hội khai lần thứ nhất thì chị H bia hội 2.250.000 đồng hót được số tiền 12.750.000 đồng x 16 = 204.000.000 đồng, trừ tiền huê hồng 4.500.000 đồng, chị H hót được 199.500.000 đồng. Sau khi hót hội, chị H góp lại hội được 05 lần đến ngày 15/4/2023 nhằm ngày 02/6dl/2023. Nay chị L khởi kiện yêu cầu trả số tiền hội 75.000.000 đồng, thì chị H đồng ý. Nhưng do hoàn cảnh khó khăn, chị H xin trả dần 500.000 đồng/tháng cho đến khi hết số tiền 75.000.000 đồng và yêu cầu không tính lãi suất chậm trả.

Kèm theo đơn khởi kiện bị đơn cung cấp các tài liệu: Biên nhận tiền ngày 31/7/2023 và căn cước công dân của bà H (bản phô tô, đã đối chiếu bản chính).

Quá trình tố tụng, Tòa án đã tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ (lấy lời khai người làm chứng) và xác minh nơi cư trú của bị đơn:

- Công an phường L, thị xã T, tỉnh An Giang và Công an phường A, quận F, Thành phố Hồ Chí Minh cung cấp: đương sự Trần Thị Thanh H, sinh năm 1978; nơi đăng ký thường trú: Số A đường N, tổ A, khóm L, phường L, thị

xã T, tỉnh An Giang; nơi tạm trú: Số D đường H, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các người làm chứng bà Nguyễn Thị L1, bà Nguyễn Thị Mỹ C, anh Trần Ngọc S, anh Dương Quang V cùng khai: Bà L1, bà C, anh S, anh V là các hội viên cùng chị H tham gia đây hội 15.000.000 đồng/tháng (do chị L làm chủ hội), khai hội ngày 15/11/2022 nhằm ngày 08/12/2022 kết thúc hội 15/02/2024, mỗi tháng khai hội một lần, hội gồm 17 hội viên, chị H đã hót hội ngay khi khai hội lần thứ nhất, chị H bỏ hội 2.250.000 đồng hót được số tiền 204.000.000 đồng, bà L1, bà C, anh S, anh V góp 12.750.000 đồng.

Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không thành do phía bị đơn vắng mặt.

Tại phiên tòa, chị L yêu cầu chị H phải có trách nhiệm trả cho chị L số tiền nợ hội là 75.000.000 (bảy mươi lăm triệu) đồng và không yêu cầu tính lãi suất giai đoạn thi hành án. Hội đồng xét xử công bố lời khai bị đơn và người làm chứng vắng mặt, chị L không có ý kiến.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và các văn bản pháp luật có liên quan. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật.

Bị đơn vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp theo Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, yêu cầu của đương sự tham gia tố tụng, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L đối với chị H, buộc chị Trần Thị Thanh H có trách nhiệm trả cho chị Đỗ Thùy L số tiền 75.000.000 (bảy mươi lăm triệu) đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 351, Điều 471, Bộ luật Dân sự năm 2015 và Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hội, biểu, phường.

Về án phí: Chị Trần Thị Thanh H phải án phí chịu theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: Chị Đỗ Thùy L khởi kiện yêu cầu chị Trần Thị Thanh H có trách nhiệm thanh toán tiền hội. Chị H có nơi đăng ký thường trú: Số A

đường N, tổ A, khóm L, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang; nơi tạm trú: Số D đường H, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh và chị H yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu thụ lý giải quyết nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị L yêu cầu chị H thanh toán số tiền hội 75.000.000 đồng. Do vậy quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là “Tranh chấp hợp đồng góp hội”.

- Về việc vắng mặt đương sự: Chị H vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Chị L và chị H đồng thống nhất khai: Chị H có tham gia dây hội 15.000.000 đồng/tháng, khởi hội ngày 15/11/2022 nhằm ngày 08/12dl/2022, kết thúc dây hội ngày 15/02/2024 nhằm ngày 24/3dl/2024, mỗi tháng khai hội một lần, hội gồm 17 hội viên, chị H tham gia một phần, ở vị trí số 01, tên trong danh sách hội là H (HH), hội khai lần thứ nhất thì chị H bia hội 2.250.000 đồng hót được số tiền 12.750.000 đồng x 16 = 204.000.000 đồng, trừ tiền huê hồng 4.500.000 đồng, chị H hót được 199.500.000 đồng. Sau khi hót hội, chị H có góp tiền hội lại cho chị L đến ngày 15/4dl/2023 thì không góp tiền hội nữa. Tuy nhiên, đến ngày 31/7/2023 chị H trả cho chị L được 75.000.000 (bảy mươi lăm triệu) đồng, chị H xác định còn nợ lại chị L số tiền 75.000.000 (bảy mươi lăm triệu) đồng, đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Giữa chị L và chị H có thỏa thuận, xác lập hợp đồng góp hội trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội. Các bên tham gia giao dịch đều là người có đủ năng lực hành vi dân sự nên đây là giao dịch dân sự hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ theo quy định tại khoản 1 Điều 471 Bộ luật Dân sự 2015, cụ thể “*họ, hội, biểu, phường (sau đây gọi chung là họ) là hình thức giao dịch về tài sản theo tập quán trên cơ sở thỏa thuận của một nhóm người tập hợp nhau lại cùng định ra số người, thời gian, số tiền hoặc tài sản khác, thể thức góp, lĩnh họ và quyền, nghĩa vụ của các thành viên.*”

Căn cứ vào sự thừa nhận của các đương sự và theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hội, biểu, phường chị H đã vi phạm nghĩa vụ của hội viên đối với chủ hội. Xét thấy, chị H không thực hiện đúng trách nhiệm của hội viên, vi phạm nghĩa vụ đã ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của chị L. Do đó, chị L khởi kiện yêu cầu chị H có trách nhiệm trả một lần số tiền hội là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 351 Bộ luật Dân sự 2015, cụ thể “*Bên có nghĩa vụ mà vi phạm nghĩa vụ thì phải chịu trách nhiệm dân sự đối với bên có quyền. Vi phạm*

nghĩa vụ là việc bên có nghĩa vụ không thực hiện nghĩa vụ đúng thời hạn, thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ hoặc thực hiện không đúng nội dung của nghĩa vụ”.

Chị **H** xác nhận còn nợ tiền hụi chị **L** 75.000.000 đồng. Chị **L** yêu cầu chị **H** thanh toán số tiền hụi 75.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất giai đoạn thi hành án là phù hợp. Hội đồng xét xử, chấp nhận.

Buộc chị **Trần Thị Thanh H** có trách nhiệm trả cho chị **Đỗ Thùy L** số tiền hụi 75.000.000 đồng (bảy mươi lăm triệu) đồng.

[3] Chị **H** đồng ý trả số tiền 75.000.000 đồng theo yêu cầu của chị **L** nhưng chị **H** xin trả dần 500.000 đồng/tháng cho đến khi dứt số tiền 75.000.000 đồng, chị **L** không chấp nhận yêu cầu của chị **H** và không đảm bảo quyền lợi hợp pháp của chị **L**. Xét, không chấp nhận.

Tuy nhiên, cách trả sẽ được xem xét ở giai đoạn thi hành án.

[4] Các vấn đề khác: Do yêu cầu khởi kiện của chị **L** được chấp nhận nên chị **L** không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Chị **H** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 471, khoản 1 Điều 351 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về án phí và lệ phí Tòa án; Điều 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biểu, phùng.

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Đỗ Thùy L** đối với chị **Trần Thị Thanh H** về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hụi”.

Buộc chị **Trần Thị Thanh H** có trách nhiệm trả cho chị **Đỗ Thùy L** số tiền hụi 75.000.000 đồng (bảy mươi lăm triệu) đồng.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị **Trần Thị Thanh H** phải chịu 3.570.000 (ba triệu năm trăm bảy mươi) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chị **Đỗ Thùy L** không phải án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho chị **L** số tiền 1.875.000 (một triệu tám trăm năm mươi bảy nghìn) đồng theo biên lai thu số 0007083 ngày 09 tháng 10 năm 2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

[3] Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An

Giang xét xử phúc thẩm. Riêng thời hạn kháng cáo của bị đơn vắng mặt là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt đúng quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh An Giang (01);
- VKSND TX. Tân Châu (02);
- Chi cục THADS TX. Tân Châu (01);
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng (2);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Dương